

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Biểu 1

CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC NĂM HỌC 2024-2025

A. HỌC PHÍ

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/người học/năm	Lộ trình tăng/giảm học phí (%/năm)	Dự kiến học phí/người học của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà				
1.	Tiến sĩ	Triệu đồng	25,0	15	100,0
2.	Thạc sĩ	Triệu đồng	23,0	15	46,0
3.	Đại học	Triệu đồng			
3.1	Khối ngành kỹ thuật, công nghệ	Triệu đồng	16,4	12	73,8
3.2	Khối ngành kinh tế, Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng	14,1	12	56,4
II	Học phí chính quy chương trình khác	Triệu đồng			
3.	Đại học	Triệu đồng			
3.1	Khối ngành kỹ thuật giảng dạy bằng Tiếng Anh	Triệu đồng	24,6	12	110,7
III	Học phí hình thức vừa làm vừa học/đào tạo từ xa...	Triệu đồng			
1.	Đại học	Triệu đồng			
1.1	Ngành kỹ thuật xây dựng	Triệu đồng	17,5	12	78,8
1.2	Ngành Ngôn ngữ anh	Triệu đồng	16,0	12	64,0
1.3	Ngành quản lý công nghiệp, kinh tế công nghiệp	Triệu đồng	14,4	12	57,6

B. LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

I	Ký túc xá sinh viên	Đơn vị tính	Mức thu
1	Khu nhà B gồm các nhà D1, D2, D3, D4	đồng	190.000đ/tháng đến 760.000đ/tháng
2	Khu nhà K gồm các nhà K1, K2, K3, K4, K5, K6	đồng	640.000đ/tháng
3	Khu nhà A gồm các nhà A1, A2, A3	đồng	250.000đ/tháng đến 600.000đ/tháng

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn